

Số: /BC-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn. Trọng tâm là:

- Ban hành các kế hoạch đề cụ thể hóa, phân công nhiệm vụ cho các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đồng bộ các nội dung cải cách hành chính (CCHC) năm 2025 trên địa bàn tỉnh, gồm: Kế hoạch CCHC¹; Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)²; Kế hoạch Chuyển đổi số³; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh⁴; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁵; Kế hoạch về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia⁶; triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025⁷. Tập trung giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp, nhất là các dự án quy mô lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh⁸. Chủ động rà soát, kiến nghị xử lý bất cập trong quá trình thực hiện các quy định về ưu đãi đầu tư⁹.

¹ Quyết định số 5137/QĐ-UBND ngày 26/12/2024.

² Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 20/12/2024.

³ Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 31/12/2024.

⁴ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 06/02/2025.

⁵ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 24/01/2025.

⁶ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025.

⁷ Công văn số 1088/UBND-THKH ngày 22/01/2025.

⁸ Công văn số 1294/UBND-KHTH ngày 25/01/2025.

⁹ Công văn số 1059/UBND-KSTTHCNC ngày 22/01/2025.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản của Chính phủ về việc hoàn thiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy: Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW¹⁰; Công văn số 35/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/01/2025 về việc hoàn thiện phương án sắp xếp tinh gọn bộ máy¹¹; Công văn số 37/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/3/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII¹²... Chuẩn bị các điều kiện bàn giao về tổ chức, bộ máy, biên chế, tài sản, tài chính... bảo đảm hoạt động ngay sau khi có quyết định hợp nhất, tổ chức lại.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Công văn số 856/TTg-TCCV ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ¹³.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh¹⁴. Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có chọn lọc; ưu tiên xúc tiến các nhà đầu tư chiến lược, dự án có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường.

- Chỉ đạo các ngành, các cấp không làm gián đoạn việc quản lý, theo dõi, tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp¹⁵. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025. Đẩy mạnh số hóa, tái cấu trúc quy trình, cập nhật thông tin trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh¹⁶, thực hiện giao diện đa ngôn ngữ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia¹⁷. Tiếp tục tăng cường quản lý công tác văn thư, lưu trữ

¹⁰ Công văn số 19535/UBND-THKH ngày 30/12/2024.

¹¹ Công văn số 1623/UBND-THKH ngày 07/2/2025.

¹² Công văn số 2788/UBND-THĐT ngày 06/3/2025.

¹³ Công văn số 17891/UBND-THKH ngày 02/12/2024.

¹⁴ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 17/01/2025.

¹⁵ Công văn số 7671/UBND-HCKSTTHC ngày 27/5/2025.

¹⁶ Công văn số 7905/UBND-HCKSTTHC ngày 01/6/2025.

¹⁷ Công văn số 8190/UBND-HCKSTTHC ngày 04/6/2025.

trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa¹⁸, chấn chỉnh việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu, giấy tờ giữa các đơn vị trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị¹⁹.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, tích cực thực hiện Đề án 06, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu theo hướng chuẩn hóa, liên thông, cập nhật, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số²⁰, Tổ công tác tư vấn triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh²¹ và các Tiểu ban về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số²², Tiểu ban cải cách hành chính²³.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

- Các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh, căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, đã chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo đó, 100% các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025, Kế hoạch kiểm tra để triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

2. Về kiểm tra công tác CCHC, thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính

Về kiểm tra công tác CCHC: Trong 6 tháng đầu năm 2025, cùng với cả nước, tỉnh Thanh Hóa đã và đang quyết liệt thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Để các đơn vị hoạt động ổn định và phát huy hiệu lực, hiệu quả công việc, tỉnh Thanh Hóa chưa thực hiện kiểm tra CCHC. Dự kiến, việc thực hiện kiểm tra CCHC sẽ được thực hiện trong quý 3 năm 2025.

Về kiểm tra thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, ngay từ đầu năm, Sở Nội vụ ban hành và tổ chức thực hiện kiểm tra kỷ luật, kỷ cương tại 15 đơn vị²⁴. Kết quả kiểm tra cho thấy: phần lớn

¹⁸ Công văn số 7510/UBND-THĐT 26/5/2025.

¹⁹ Công văn số 6966/UBND-THĐT 18/5/2025.

²⁰ Quyết định 3851-QĐ/TU ngày 21/01/2025.

²¹ Quyết định 662/QĐ-UBND ngày 03/3/2025.

²² Quyết định số 192/QĐ-SKHCN ngày 05/5/2025;

²³ Quyết định số 1956/QĐ-TBCCHC ngày 29/4/2025;

²⁴ 15 đơn vị: Thành phố Sầm Sơn, các huyện: Ngọc Lặc, Triệu Sơn, Thường Xuân, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Bá Thước, Như Xuân, Như Thanh, Lang Chánh, Yên Định, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Vĩnh Lộc, Hà Trung.

các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đều thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; không đi lễ hội, đền chùa trong giờ hành chính; không sử dụng xe công đi lễ hội, không để công việc bị tồn đọng do nghỉ Tết; không tổ chức các hoạt động du xuân, liên hoan, chúc Tết, ảnh hưởng đến thời gian và hiệu quả làm việc.

Bên cạnh đó, qua kiểm tra phát hiện trên địa bàn một số đơn vị cấp xã có địa điểm đền, chùa, lễ hội: việc phân công, bố trí cán bộ, công chức trực để giải quyết công việc cho người dân chưa phù hợp, dẫn đến tình trạng công dân phải chờ đợi, gây tâm lý bức xúc khi thực hiện thủ tục hành chính tại UBND cấp xã.

3. Về công tác tuyên truyền CCHC

Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện. Hình thức và nội dung tuyên truyền ngày càng phong phú, đa dạng, phù hợp với yêu cầu, tình hình mới và từng nhóm đối tượng, như: Trang thông tin điện tử CCHC của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.thanhhoa.gov.vn>, Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh... thường xuyên viết, đưa tin, bài về CCHC. Một số phóng sự đáng chú ý, thu hút sự quan tâm, theo dõi của đông đảo người dân, như: Ứng dụng chuyển đổi số vào phát triển kinh tế - cơ hội tiếp cận thị trường cho phụ nữ; Bước chuyển trong cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Ứng dụng công nghệ thông tin để lan tỏa văn hóa đọc; xây dựng hệ sinh thái công dân số hoàn chỉnh, đồng bộ; Sở Nội vụ xây dựng video hướng dẫn, tổ chức các lớp tập huấn công tác CCHC và công tác thống kê, đóng gói, niêm phong, chỉnh lý, số hóa tài liệu trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy;...

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2025

- Số nhiệm vụ được giao trong 6 tháng đầu năm: 23 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 23 nhiệm vụ;
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Trong 6 tháng đầu năm 2025, UBND tỉnh ban hành 52 văn bản QPPL tập trung vào việc quy định: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị; các chính sách trợ giúp xã hội; định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trên địa bàn tỉnh; phân cấp, ủy quyền; quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng;... Sau khi ban hành, 100% văn bản đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền được chú trọng thực hiện. Theo đó, 6 tháng đầu năm 2025, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tiến hành tự kiểm tra 1.154 văn bản (trong đó 65 văn bản QPPL, 1.089 văn bản khác). Kết quả kiểm tra: Không có văn bản nào trái pháp luật, các văn bản đều đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày.

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trên cơ sở Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; tiến hành rà soát các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai thống nhất, hiệu quả theo kế hoạch về công tác phổ biến giáo dục, pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh. Hình thức và nội dung phổ biến phong phú, đa dạng thông qua các hội nghị tập huấn nghiệp vụ (hướng dẫn việc xây dựng và đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật, nghiệp vụ hòa giải cho các hòa giải viên, bồi dưỡng kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ hòa giải viên...); trang thông tin phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh; trang mạng xã hội như Facebook, Zalo.. Nhờ những nỗ lực này, công tác phổ biến giáo dục pháp luật đã mang lại chuyển biến tích cực trong nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân. Điều này đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Cải cách TTHC

2.1. Công tác kiểm soát TTHC

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương chủ động rà soát, đề xuất, kiến nghị đơn giản tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền; niêm yết công khai và thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân đúng quy định; cập nhật vào bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn>), Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Việc công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền được thực hiện thường xuyên, đúng quy định. Trên cơ sở các quyết định công bố của các Bộ, ngành Trung ương, trong 6 tháng đầu năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 69 quyết định công bố danh mục TTHC (với 176 thủ tục mới ban hành; 1.032 thủ tục sửa đổi, bổ sung; 152 thủ tục bãi bỏ); tích hợp và nhập dữ liệu 1.028 TTHC, không công khai 152 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Tiếp nhận 687 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân qua hệ thống phanhoi.thanhhoa.gov.vn. Trong đó, 586 phản ánh, kiến nghị đã được xử lý; 101 phản ánh, kiến nghị đang trong quá trình xử lý đúng thời gian quy định.

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Trong 6 tháng đầu năm, công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của tỉnh tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh triển khai thực hiện kịp thời, đặc biệt là công tác rà soát, cắt giảm các TTHC, yêu cầu điều kiện không cần thiết, phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC; tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc vào địa giới hành chính; việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức được thực hiện thông suốt, liên tục, không bị gián đoạn trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị.

- Duy trì và thực hiện 1.260 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 505 dịch vụ công trực tuyến một phần; tất cả dịch vụ công đã được nhập đường link trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, được công khai và kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

- Việc ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC được các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện kịp thời, chủ động phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh triển khai quy trình điện tử áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; đảm bảo 100% các TTHC thuộc thẩm quyền của mỗi cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) sau khi công bố đều có quy trình nội bộ và quy trình điện tử để thực hiện trên Hệ thống. Toàn bộ 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính nhà nước tiếp nhận, giải quyết được công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa các cấp.

Tính đến ngày 11/6/2025, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công và Bộ phận một cửa các cấp là: 508.350 hồ sơ (Trong đó: Tiếp nhận trực tuyến 474.261 hồ sơ); đã giải quyết 408.503 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 405.750 hồ sơ (đạt tỷ lệ 99,33%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ tại các Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024, Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025, Công văn số 37/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/3/2025 về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo hướng giảm đầu mối nhưng vẫn đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. Đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi sắp xếp, tổ chức lại tỉnh Thanh Hóa: có 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (*giảm 05 Sở, đạt tỷ lệ 26,3%*), 02 tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh (*giảm 01 tổ chức, đạt tỷ lệ 33,3%*); 120 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (bao gồm Văn phòng, Thanh tra) thuộc các Sở (*giảm 35 phòng, đạt tỷ lệ 22,6%*), 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh (*giảm 07 phòng, đạt tỷ lệ 58,3%*); 13 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh (*giảm 01 đơn vị, đạt tỷ lệ 7,14%*), 207 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ngành và các chi cục thuộc Sở (*giảm 11 đơn vị, đạt tỷ lệ 5,04%*). Đối với việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng lộ trình, đảm bảo tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tiết kiệm ngân sách; dự kiến sau sắp xếp, toàn tỉnh có 166 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 19 phường và 147 xã), giảm 381 đơn vị (đạt tỷ lệ 69,65%). Hiện nay, phương án diễn tập mô hình vận hành tổ chức hoạt động của chính quyền cấp xã sau khi sắp xếp đã được xây dựng, vận hành và đưa vào thử nghiệm. Đây là cơ sở để đánh giá, rút kinh nghiệm, bảo đảm hệ thống chính trị sau khi kết thúc hoạt động của cấp huyện và sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu lực, hiệu quả.

- Cùng với việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh²⁵ đã được ban hành kịp thời đảm bảo bộ máy mới vận hành hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các quyết định thành lập, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập²⁶ theo

²⁵ Các đơn vị: Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Công Thương do mới thành lập, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh do sắp xếp tổ chức lại; kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; giải thể Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa

²⁶ Thành lập các đơn vị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh trực thuộc Sở Nội vụ, Trung tâm Công tác xã hội - Quỹ bảo vệ trẻ em, Trung tâm Pháp y và Giám định Y khoa trực thuộc Sở Y tế; thành lập Nhà hát Nghệ thuật Lam Sơn, Trung tâm Nghiên cứu lịch sử và bảo tồn Di sản, Trung tâm Xúc tiến Du lịch và Văn hóa, Điện ảnh trực

định hướng Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ.

- Về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp: Năm 2025, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giao là 3.492 biên chế (có mặt tại thời điểm báo cáo 3.008 biên chế); số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao là 61.401 người (có mặt tại thời điểm báo cáo 58.925 biên chế); số lượng người làm việc của các hội đặc thù cấp tỉnh là: 78 người và 01 định suất lương.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Trong 6 tháng đầu năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã công nhận kết quả trúng tuyển cho 444 viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (trong đó: giáo dục 204 người, y tế: 216 người; ngành khác 24 người). Tiếp nhận 05 viên chức từ tỉnh ngoài về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 171 người (Phó Giáo sư: 04 người; Tiến sĩ: 17 người; Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II: 11 người; Thạc sĩ, Bác sĩ, Dược sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật Y chuyên khoa cấp I: 139 người)²⁷. Thực hiện sắp xếp, bố trí, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, người hoạt động không chuyên trách khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thẩm định công chức ngành Thanh tra tỉnh có nguyện vọng được tiếp nhận về Thanh tra tỉnh công tác theo Đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy Thanh tra tỉnh. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 và 2 năm 2025 đối với 179 người²⁸. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2025²⁹.

5. Cải cách tài chính công

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (17 đơn vị); thành lập Chi cục Quản lý thị trường trực thuộc Sở Công thương

²⁷ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 17/01/2025.

²⁸ Quyết định số 4671/QĐ-UBND ngày 26/11/2024; Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 26/5/2025.

²⁹ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 06/02/2025.

- Thực hiện phân bổ, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2025³⁰. Thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025³¹. Tạm dừng việc triển khai đầu tư các dự án thuộc các lĩnh vực có liên quan và các nội dung khác thuộc lĩnh vực đầu tư công trên địa bàn tỉnh trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị³². Thực hiện hướng dẫn công tác kế toán khi tổ chức thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy³³, rà soát, chuẩn hóa dữ liệu kiểm kê trên Phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công³⁴.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa; thực hiện tốt việc sử dụng văn bản điện tử; phát huy hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh tại hơn 700 điểm cầu.

- Trục tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia, phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã. Xây dựng và duy trì hoạt động Cổng Dữ liệu mở của tỉnh với hơn 344 bộ dữ liệu mở thuộc 16 lĩnh vực để phục vụ tổ chức, doanh nghiệp, người dân tra cứu, khai thác sử dụng miễn phí các dữ liệu do cơ quan quản lý nhà nước cung cấp, từng bước thực hiện công khai, đảm bảo tính minh bạch của cơ quan nhà nước.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư từ cấp tỉnh đến cấp xã, từng bước đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng; Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu luôn bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7 cho hệ thống công nghệ thông tin dùng chung.

- Hạ tầng mạng, hạ tầng viễn thông, hạ tầng CNTT được chuẩn bị đảm bảo cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: Cấp mã định danh điện tử cho 166 xã, phường mới để kết nối, liên thông các phần mềm; đăng ký thiết bị mã hóa để trang bị cho các xã, phường mới đảm bảo đồng bộ, bảo mật. Hạ tầng cài đặt phần mềm và lưu trữ dữ liệu được bổ sung thêm dung lượng và tận dụng các máy chủ vật lý của một số đơn vị để tăng cường cho hệ thống; tạo lập 33 máy chủ ảo hóa để cài đặt phần

³⁰ Công văn số 1116/UBND-THKH ngày 22/01/2025; Công văn số 3001/UBND-THĐT ngày 10/3/2025.

³¹ Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 23/01/2025.

³² Công văn số 2938/UBND-CNXXDKD ngày 10/3/2025.

³³ Công văn số 1606/UBND-KTTC ngày 07/2/2025.

³⁴ Công văn số 6337/UBND-KTTC ngày 07/5/2025.

mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Hạ tầng mạng nội bộ (LAN), hệ thống phòng họp trực tuyến, trang thiết bị ký số, trang thông tin điện tử của đơn vị được khởi tạo, xây dựng, đảm bảo phục vụ hoạt động của các đơn vị khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động.

- Tiếp tục đẩy mạnh quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa, luôn lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tạo thuận lợi cho người dùng, tăng cường chuyển đổi hình thức thực hiện từ trực tiếp sang trực tuyến. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh, tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi. Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đã triển khai nền tảng khám chữa bệnh từ xa (telehealth) cho các cơ sở khám chữa bệnh; triển khai KIOSK khám chữa bệnh thông minh; triển khai có hiệu quả một số mô hình chuyển đổi số để phục vụ người dân, doanh nghiệp được thuận tiện hơn, đơn giản hơn như mô hình Làng số, thôn thông minh phục vụ du khách tra cứu, tìm hiểu thông tin về các điểm du lịch, du lịch tâm linh trên địa bàn các huyện; mô hình "Camera Nhân dân với an ninh, trật tự" giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông. Đến nay, 100% nhà văn hóa các thôn/khu phố, các điểm du lịch được lắp đặt Wifi miễn phí. Xây dựng mã QR Code tại các điểm văn hóa, du lịch phục vụ du khách tra cứu, tìm hiểu thông tin về các điểm du lịch, du lịch tâm linh trên địa bàn các huyện. Duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA để trao đổi giữa các cơ quan chính quyền với người dân để tháo gỡ khó khăn và trao đổi thông tin một cách thuận lợi và nhanh chóng. Hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh cài đặt chữ ký số cá nhân cho người dân..

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được thực hiện tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản đi trên hệ thống: 365.545/366.450 đạt 99,75 %; tỷ lệ ký số (cá nhân, cơ quan) đạt trên 99%, giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị được công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước các cấp.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, tập trung rà soát các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định trên các lĩnh vực về thu hút đầu tư; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; cạnh tranh bình đẳng; tổ

chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tài chính ngân sách; xây dựng; giao thông, y tế; giáo dục đào tạo...

2. Tiếp tục công bố, công khai đầy đủ, kịp thời TTHC, TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết. Tập trung giải quyết tốt các TTHC, không làm gián đoạn việc quản lý, theo dõi, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Triển khai Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ việc sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn; đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo chỉ đạo của Trung ương. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Quản lý chặt chẽ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; giải quyết chế độ, chính sách tại các địa phương, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

5. Triển khai chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiếp tục thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh. Tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, bảo đảm phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách và cấp dưới theo đúng thời hạn và quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

6. Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số. Hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử; phát triển, duy trì các nền tảng, hệ thống cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển, duy trì các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ tỉnh.

7. Tích cực tuyên truyền công tác CCHC dưới nhiều hình thức, trong đó chú trọng các giải pháp tuyên truyền để người dân, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

8. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác CCHC gắn với việc thực hiện văn hóa công sở, đạo đức công vụ. Siết chặt kỷ luật, kỷ

cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ban hành và triển khai thực hiện tốt phương án tổ chức phân luồng, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính theo cơ chế ưu tiên “làn xanh” trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- TTr Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, HCKSTTHC, CNXDKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	32	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	54,76	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	42	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	19 nhiệm vụ còn lại đang trong thời gian triển khai thực hiện.
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Trong 6 tháng đầu năm 2025, chưa kiểm tra CCHC
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	12	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	7	Các nhiệm vụ còn lại đang trong thời gian thực hiện theo tiến độ.
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	6.969	Kế hoạch 891/KH-SNV ngày 30/10/2024 của Sở Nội vụ
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2024	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	65	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	65	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	95	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	1	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	606	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	17	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	17	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2024	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	176	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1.184	Sửa đổi: 1.032 TTHC; Bãi bỏ: 152 TTHC
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.088	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.541	(1.485 TTHC cấp tỉnh; 56 TTHC thuộc cơ quan khác)
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	350	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	197	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	556	

2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	214	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,74	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	212.198	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	211.638	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,03	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	43.161	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	42.741	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,84	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	153.144	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	151.371	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	85,29	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	687	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	586	101 PAKN còn lại đang trong thời gian xử lý theo quy định.

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2024	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	134	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	2.156	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	12	

1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	207	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1.937	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	11,2	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.492	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.008	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	387	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	17,81	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	61.401	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	58.925	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	63	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2024	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	608	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.616	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	

2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	444	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	05	Tiếp nhận viên chức từ tỉnh ngoài về công tác tại tỉnh.
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2024	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	28,8	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	15.255.200	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.393.500	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	2.156	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	4	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	60	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	358	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	24	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	34	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	300	

2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1.734	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính năm 2024	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	UBND tỉnh có Công văn số 5359/UBND-CNXXSKH ngày 21/4/2025 về việc gia hạn thời gian Khung kiến trúc Chính quyền số Thanh Hóa
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc	%	100	

	gia			
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Địa chỉ: https://lgsp.thanhhoa.gov.vn
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,75	Số lượng gửi đi 365.545/366.450 văn bản
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,81	Số lượng gửi đi 60.299/60.410 văn bản
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	99,52	Số lượng gửi đi 128.590/129.208 văn bản
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99,9	Số lượng gửi đi 176.656/176.832 văn bản

5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1.260	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1.260	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	1.765	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	1.765	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%		
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ		

6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ		
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%		
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ		
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ		
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	563	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	563	